

**Tập 12**

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười hai:

**(Sớ)** *Bất khả tư nghị giả, như thượng minh nhị phục tịch, tịch nhị phục minh, thanh trước bất hình, hướng bối mạc đắc, tắc tâm ngôn lộ tuyệt, vô dung tư nghị giả hĩ.*

**(Diễn)** *Bất khả tư nghị giả hạ, thị tiên hợp giải, tâm ngôn lộ tuyệt, vị từng bốn dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, danh vi Chân Như cố.*

**(疏)**不可思議者，如上明而復寂，寂而復明，清濁不形，向背莫得，則心言路絕，無容思議者矣。

**(演)**不可思議者下，是先合解。心言路絕，謂從本以來，離言說相，離心緣相，一切法不可說、不可念，名為真如故。

**(Sớ):** “Chẳng thể nghĩ bàn” là sự sáng suốt như đã nói ở trên lại vắng lặng, tuy vắng lặng mà sáng suốt, “thanh, trước” chẳng thể hình dung, hướng về hay trái nghịch chẳng được, chẳng thể suy nghĩ hay nói năng, không thể nghĩ bàn được.

**Diễn:** Từ “chẳng thể nghĩ bàn” trở đi, trước hết là giải thích gộp chung. “Tâm ngôn lộ tuyệt” ý nói: Vốn là tướng ngôn thuyết, tướng tâm duyên, hết thấy pháp đều chẳng thể nói, chẳng thể niệm, nên gọi là Chân Như).

Chúng ta đã thảo luận cặn kẽ đoạn văn này trong lần trước, nhất định phải chú tâm lãnh hội, những điều này có quan hệ rất lớn với sự thâm nhập kinh tạng và công phu tu hành của chúng ta. Phần “tổng thuyết” đã giới thiệu, tiếp theo đây là “biệt thuyết”, tức là tách ra [từng điều] để giảng: Chẳng thể nghĩ là gì? Chẳng thể bàn là gì? “*Bất khả tư nghị*” là chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn.

**(Sớ)** *Bất khả tư giả, sở vị pháp vô tướng tướng, tư tắc loạn sanh. Kinh vân: “Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi”, thị dã. Hựu pháp vô tướng tướng, tư diệt đồ lao! Kinh vân: “Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng cập”, thị dã. Cố viết: “Tâm dục duyên nhi lự vong dã”.*

(疏)不可思者，所謂法無相想，思則亂生。經云：汝暫舉心，塵勞先起，是也。又法無相想，思亦徒勞。經云：是法非思量分別之所能及，是也。故曰心欲緣而慮亡也。

(Sớ: “*Chẳng thể nghĩ*” có nghĩa là: Pháp chẳng có tướng để suy tưởng, hễ suy nghĩ sẽ sanh rối loạn. Kinh dạy: “*Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dậy trước*”, là nói tới điều này. Lại nữa, pháp không có tướng để suy tưởng, suy nghĩ cũng uổng công! Kinh dạy: “*Pháp này chẳng thể suy lường, phân biệt mà hòng thấu hiểu được*” là nói về ý này. Do vậy, nói: “*Tâm muốn duyên mà lự đã mất*”).

Đoạn này giải thích đạo lý vốn có trong “*bất khả tư*”. “*Bất khả tư*” là gì? Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. “*Sở vị: Pháp vô tướng tướng*” (Nghĩa là: Pháp không có tướng để suy tưởng): Chữ “*pháp*” chỉ hết thấy pháp. Hết thấy pháp chỉ “*tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ứng hành pháp, hữu vi pháp*” cho đến vô vi pháp. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có tướng để suy tưởng, đây là nói tới Thật Tướng của hết thấy các pháp. Kinh Bát Nhã đã giảng Thật Tướng rất rõ ràng như sau: “*Thật Tướng vô tướng*”. Không có tướng gì? Chính là không có tướng để suy tưởng. Vì vậy, kinh Kim Cang Bát Nhã đã giảng về hết thấy tướng rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Bản thể của hết thấy tướng là Không, nó không có tự tánh. Do không có tự tánh nên tướng chính là chẳng phải tướng (phi tướng). Trong Tâm Kinh có nói: “*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Đủ thấy, tướng chân thật của hết thấy tướng là không có tướng để suy tưởng. Câu nói này vẫn rất khó hiểu. Vì sao rất khó hiểu? Vì nó vượt khỏi nhận thức thông thường của chúng ta! Vượt khỏi nhận thức thông thường như thế nào? Do chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn suy nghĩ lung tung. Nói cách khác, không có cách nào hết! Từ trước đến nay chưa hề ngưng dứt sự suy nghĩ lung tung ấy, do vậy, rất khó thể lãnh hội chân tướng của sự thật này, nguyên nhân là vì đây.

Cận đại, có những thứ trong khoa học quả thật đã giúp ích Phật pháp rất lớn. Chẳng hạn như, các nhà khoa học phát hiện hết thấy vật chất trong vũ trụ đều giống nhau, có hơn một trăm nguyên tố (chemical elements), chúng đều do những lap tử cơ bản (elementary particles) tạo thành. Nói cách khác, do công thức cấu tạo (structural formula, bài liệt phương trình thức) của những lap tử cơ bản khác nhau, tổ hợp (combination) không

giống nhau, mà thành ra hơn một trăm nguyên tố. Vì thế, các nhà khoa học công nhận cấu tạo và vật liệu của thân thể con người cũng như mỗi bộ phận trong thân thể con người có cấu tạo giống như cấu tạo của cây cối, hoa, cỏ, vật liệu giống nhau, đều do các lap tử cơ bản tổ hợp thành. Dùng cùng một thứ nguyên liệu, có thể chế thành gạch, thành ngói, có thể làm thành những thứ thực vật cây cỏ, hoa lá, mà cũng có thể tạo thành loài người chúng ta. Nguyên liệu giống nhau, không khác nhau!

Đây là phát hiện của Ái Nhân Tư Thản (Einstein): Năng lượng bằng với chất lượng trong trạng thái tĩnh nhân với bình phương tốc độ ánh sáng ( $E=mc^2$ ), há chẳng phải là “*Sắc bất dị Không*” trong Tâm Kinh ư? Nếu chúng ta coi Không là năng lượng, Sắc là chất lượng, thì nào có gì khác nhau! “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Do vậy, trong ấy vô tướng, vô tướng. “*Tướng*” là nói tới Tướng Phần, “*tướng*” là nói tới Kiến Phần. Kiến Phần và Tướng Phần đều hư vọng, bản thể của chúng là Tự Chứng Phần. Tự Chứng Phần biến ra hai thứ hư vọng là Tướng và Tướng, chuyện là như vậy đó. Thời cổ, những nhà Duy Thức ví Kiến Phần và Tướng Phần như hai cái sừng (xúc tu, tentacles) của con ốc sên (ốc ma). Hai cái sừng của con ốc sên chẳng có, chẳng không. Thò dài ra là hai cái sừng, rút vào sẽ chẳng còn nữa. Đầu con ốc ví như Tự Chứng Phần, hai cái sừng giống như Kiến Phần và Tướng Phần. Quý vị chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không. Quý vị nói “không có”, chúng duỗi ra đấy thôi; nói “có” thì chúng rút vào mất rồi! Do vậy, nó là chẳng phải có, chẳng phải không, rốt ráo chẳng thể được.

Vậy là chúng ta nhận biết chân tướng của hết thảy pháp, bởi vậy, nếu quý vị “*tư tắc loạn sanh*” (suy nghĩ sẽ sanh loạn). “*Loạn*” ở đây là vô minh, trên đầu chồng thêm đầu. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tri kiến lập tri*” (từ trong tri kiến, lập ra một cái nhận biết nữa), ở đây nói “*tư tắc loạn sanh*” thì Tư chính là “*tri kiến lập tri*”. Tự cho là mình thông minh, thông minh ở chỗ nào? Suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đồn thổi bịa chuyện. “*Tư*” là suy nghĩ lung tung, “*ngộ*” là đồn thổi, bịa chuyện, kinh Phật gọi [những thứ suy nghĩ, đồn thổi này] là “*hý luận*”. Hý luận là gì? Nói giỡn chơi, chẳng có câu nào là thật!

Điều này nêu rõ: Quyết định chẳng thể nghĩ, hết thảy pháp đều chẳng thể nghĩ! Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, cầu nhất tâm bất loạn. Nếu hết thảy pháp đều chẳng nghĩ, nhất tâm sẽ hiện tiền, liền đạt được nhất tâm bất loạn. Cổ nhân nói “*tu hành đắc đạo*”, chẳng nghĩ thì mới đắc đạo. Suốt ngày từ sáng đến tối lúc nào cũng suy nghĩ loạn xạ, quý vị có làm cách nào thì cũng chẳng thể đạt được! Chẳng thể nghĩ mà! Chẳng nghĩ

là đúng, chẳng nghĩ sẽ là “*như như*”, kinh gọi “chẳng nghĩ” là “*như thị*”. “*Như thị ngã văn, như thị ngã giác, như thị ngã tri*” (tôi nghe như thế, tôi giác như thế, tôi biết như thế), đây đều là những pháp chân thật.

Đối với câu “*pháp vô tướng tướng*” (pháp không có tướng để suy nghĩ), pháp sư Cổ Đức đã chú giải mấy câu, nhằm nêu rõ...

**(Diễn) *Bất khả tư giả hạ, thị thứ phân giải.***

**(演) 不可思者下，是次分解。**

**(Diễn: Từ “chẳng thể nghĩ” trở đi, lần lượt chia ra để giải thích).**

Trong hai đoạn này, đoạn trước là giảng tổng quát, trước hết là nói gộp, tiếp theo đó là chia ra [từng điều] để giải thích.

**(Diễn) *Pháp vô tướng tướng, vị: Hữu tướng khả tư, vô tướng nan tư.***

**(演) 法無相想，謂有相可思，無相難思。**

**(Diễn: “Pháp vô tướng tướng” ý nói: Có tướng thì có thể nghĩ, không có tướng sẽ khó nghĩ).**

Tiếp theo đó là nói: Có tướng hay là không có tướng? Vô tướng là chân, hữu tướng là hư vọng. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Công phu của chúng ta thật sự chưa đến nơi đến chốn. Nói cách khác, vọng tướng không có cách nào ngưng nghỉ, chẳng thể không dấy vọng tướng. Làm cách nào đây? Đừng nghĩ đến tướng cảnh giới trong lục phàm nữa, suốt ngày từ sáng đến tối hãy nghĩ tướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghĩ đến A Di Đà Phật, nghĩ tới Quán Âm Bồ Tát, nghĩ tới ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, quý vị hãy nghĩ tới những điều ấy.

Vì sao nghĩ tới những thứ ấy? Nghĩ tới chúng có gì hay? Nghĩ tới những điều ấy sẽ chẳng tạo ác nghiệp, nghĩ tới những điều ấy chẳng đọa tam đồ; nếu quý vị nghĩ tới pháp thể gian sẽ đọa tam đồ. Thật ra, quý vị chẳng thể không nghĩ, nên bèn thay đổi đối tượng suy nghĩ, đây là để cứu mạng! Cứu quý vị từ tam đồ sang tam thiện đạo, cứu sang nhân thiên, cứu quý vị từ nhân thiên sang tận Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, trong pháp môn Niệm Phật có Quán Tượng Niệm Phật, có Quán Tướng Niệm Phật, đây là những biện pháp bất đắc dĩ, là phương tiện môn. Ở đây Ngài nói cho chúng ta biết tướng chân thật. Do vậy, phải hiểu hết thấy tướng là hư vọng, bản thể của hết thấy tướng chính là Không.

(Diễn) “*Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi*”, *thị tư chi hữu quá dã*.

(演) 汝暫舉心，塵勞先起，是思之有過也。

(Diễn: “Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dậy trước” là suy nghĩ sẽ mắc lỗi).

“*Nhữ tạm cử tâm*”: Tâm ông mới vừa động. “*Trần*” có nghĩa là ô nhiễm, là vô minh. Ở đây, chữ Trần đại diện cho vô minh. Tâm quý vị vừa động bèn là vô minh, chân tánh bị ô nhiễm, vô thi vô minh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trong tri kiến lập ra một cái biết, đây là gốc của vô minh). Tâm quý vị vừa động liền thành căn bản vô minh. Chân tâm tịch tĩnh, nhất tâm bất loạn là tĩnh. Trong phần trước đã nói “*tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch, tịch chiếu bất nhị*” (tịch mà thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch, tịch và chiếu chẳng hai). Đây là nhất tâm, là Chân Như. Tâm vừa động, thì sự động ấy là “*lao*”, bởi lẽ, vô minh là tướng động, trần lao đã dậy trước. “*Thị tư chi hữu quá dã*” (là do suy nghĩ sẽ mắc lỗi) nơi trong phần ở trên Liên Trì đại sư đã viết “*tư tắc loạn sanh*” (suy nghĩ sẽ sanh ra loạn), sự suy nghĩ này đích xác là mắc lầm lỗi!

“*Hưu pháp vô tướng tướng, tư diệc đồ lao*” (Lại nữa, pháp không có tướng để suy nghĩ, suy nghĩ cũng uổng công). Nhọc nhàn mà chẳng có ích gì!

(Diễn) *Tư diệc đồ lao, thị tư chi vô công dã*.

(演) 思亦徒勞，是思之無功也。

(Diễn: “Suy nghĩ cũng uổng công”, nghĩa là suy nghĩ vô ích).

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng cập*” (Pháp này chẳng thể dùng suy lường, phân biệt mà hòng thấu hiểu được). “*Thị pháp*” (pháp này) là gì vậy? Thừa cùng quý vị, hết thấy các pháp. Chắc cũng có các vị nghe nói [như vậy] cảm thấy rất kỳ quái, vì sao là hết thấy pháp? Nếu quý vị nói là Chân Như bồng tánh, đại khái cũng chẳng sai cho lắm. Nếu nói là sáu căn, sáu trần, năm uẩn, mười hai xứ, làm sao chẳng thể nghĩ cho được? Nếu quý vị nghĩ theo cách ấy, sẽ khó kiến tánh, chẳng có phần đạt Lý nhất tâm bất loạn trong niệm Phật. Nếu công phu tốt đẹp, có thể đạt đến Sự nhất tâm, trong Sự nhất tâm mới có những thứ này. Còn đối với Lý nhất tâm thì như trong phần trên đã nói, hết thấy pháp đều do chân tâm của chính mình biến hiện “*nhất thiết pháp*”

*giai ngô tâm thể*” (hết thấy pháp đều là tâm thể của ta), đều là tâm thể của chính mình, “*phi lý vạn pháp biệt hữu tâm thể*” (chẳng phải là lìa vạn pháp mà có riêng một tâm thể).

Do vậy, tôi nói Lý nhất tâm bất loạn là gì? Hết thấy pháp đều là Lý nhất tâm. Chúng ta muốn đắc Lý nhất tâm, muốn minh tâm kiến tánh, muốn nhập pháp môn Bất Nhị, muốn nhập Nhất Chân pháp giới, thì phải hiểu rõ đạo lý này, phải thật sự quán thông Lý thì mới có thể nhập cảnh giới này. Tuy tôi chẳng dám khẳng định là nhất định có thể nhập cảnh giới này, nhưng đó là chuyện có thể. Vấn đề là mức độ thâm nhập và mức độ thấu hiểu sâu xa đạo lý này của quý vị, quý vị sử dụng công phu có đúng cách hay không, mấu chốt là ở chỗ này. Nếu có trình độ lý giải khá, dụng công đúng cách, trong một đời, chắc chắn có thể nhập được cảnh giới này.

Tại Trung Quốc, bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị đọc Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, [sẽ thấy] các đồng tu tại gia tu hành, khai ngộ, chứng quả, đắc Lý nhất tâm triều đại nào cũng có. Trải qua các đời, người Trung Quốc tu hành thành tựu quả thật nhiều hơn người ngoại quốc. Nói cách khác, người Trung Quốc “*đắc thiên độc hậu*” (sẵn có điều kiện vượt trội). Nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì là thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày, còn chúng ta thì mỗi đời lại kém hơn đời trước, mắc khuyết điểm tự cây thông minh. Nếu thật thà theo đúng quy củ, chiếu theo phương pháp, lý luận này để tu học thì thế hệ chúng ta sẽ thành tựu chẳng kém đời trước. Thật thà là gì? Người đời trước có thể tuân thủ, hiểu đạo lý này: Trong hết thấy pháp họ có thể lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, nên chẳng thể nghĩ bàn, họ có thể nhập được cảnh giới, có thể thành tựu. Nay chúng ta gặp khó khăn là vì sao? Chúng ta chẳng thật thà, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, bệnh ở chỗ này!

Trong kinh nói mấy câu rất hay, đúng là gõ một gậy vào đầu chúng ta là những kẻ hiện đang tu hành. Do vậy, suy lường, phân biệt pháp này sẽ chẳng thể thấu hiểu được. Suy lường là thức thứ bảy, tức Mạt Na Thức, phân biệt là thức thứ sáu. Thức thứ sáu và thức bảy đều duyên chẳng được, cái được chúng duyên là tướng hư vọng, tức là duyên vào hết thấy pháp tướng, chẳng thể duyên hết thấy pháp tánh; nhưng cần phải hiểu rằng: Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không hai! Cổ nhân nói vàng và đồ vật, đồ vật là Tướng, vàng ví như Tánh. Vàng và đồ vật có thể tách rời hay chẳng? Chẳng thể tách rời, là một, chẳng phải hai; đấy gọi là pháp môn Bất Nhị. Chúng ta thấy Tánh từ nơi Tướng như thế nào? Tách rời suy nghĩ và bàn bạc thì sẽ thấy được. Tách lìa những cái được biến hiện có thể nghĩ

bàn thì gọi là pháp môn Bất Nhị, là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

**(Diễn)** *Tâm dục duyên nhi lự vong giả, cử tâm dục duyên, tư lự tiên vong, dĩ Chân Như vô tướng tướng, tức tâm tuyệt cố.*

**(Đản)** 心欲緣而慮亡者，舉心欲緣，思慮先亡，以真如無相想，即心絕故。

**(Diễn):** “Tâm muốn duyên mà tư lự đã mất trước” là dấy lòng muốn duyên [theo sự vật] thì sự suy lường đã mất trước, vì Chân Như không có tướng để suy lường, tức là tâm dứt bật vậy).

Công năng của cái tâm ý thức thứ sáu và cái tâm ý thức thứ bảy hể đến chỗ này sẽ chẳng khởi tác dụng, nó có hạn độ. Điều này cũng cho thấy thức thứ sáu và thứ bảy là pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Tuy tác dụng của chúng to lớn, nhưng có hạn độ, chúng có thể khởi vọng tưởng, nhưng chẳng thể duyên theo chân thật. Chúng có thể duyên theo tướng hư vọng, chẳng thể duyên theo chân tướng, chẳng duyên Thật Tướng, đạo lý ở chỗ này. Đây là giảng rõ ý nghĩa “chẳng thể nghĩ”.

Tiếp theo đây là lời giải thích về “bất khả nghị”, “nghị” là nghị luận. Đây cũng là ngôn thuyết, cũng chẳng có cách nào để nói pháp này!

**(Sớ)** *Bất khả nghị giả, sở vị: Lý viên, ngôn thiên, ngôn sanh, Lý táng. Kinh vân: “Phàm hữu ngôn thuyết, giai thành hý luận”, thị dã. Hựu Lý viên, ngôn thiên, ngôn bất năng tận. Kinh vân: “Nhất nhất thân cụ vô lượng khẩu, nhất nhất khẩu xuất vô lượng âm, như Thiện thiên nữ, cùng kiếp nhi thuyết, chung mạt năng tận”, thị dã. Cổ viết: “Khẩu dục đàm nhi từ táng” dã.*

**(Sớ)** 不可議者，所謂理圓言偏，言生理喪。經云：凡有言說，皆成戲論。是也。又理圓言偏，言不能盡。經云：一一身具無量口，一一口出無量音，如善天女，窮劫而說，終莫能盡，是也。故曰口欲談而詞喪也。

**(Diễn):** “Chẳng thể bàn” ý nói: Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc. Thốt lời, Lý bị chôn vùi. Kinh chép: “Phàm những gì có nói năng đều thành hý luận” là nói về ý này. Lại nữa, Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc, nên chẳng thể nói trọn hết. Kinh dạy: “Trong mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng có vô lượng âm thanh, giống như Thiện thiên nữ, nói hết cả kiếp,

*rốt cuộc vẫn chẳng thể trọn hết” chính là nói về điều này. Vì thế nói: “Miệng muốn bàn luận mà từ ngữ đã chôn vùi”).*

“*Lý viên*”: Lý là viên mãn. Lý này viên mãn tận hư không, trọn pháp giới. Tùy tiện nhón lấy một vi trần thì Lý nào cũng là viên, không một pháp nào chẳng viên. Lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, không có một pháp nào chẳng viên. Lý là gì? Lý là Tánh, Pháp Tánh. Nơi hữu tình chúng sanh [thì Tánh ấy] gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Lý là nói về Tánh, Tánh là viên. “*Ngôn thiên*”: Ngôn ngữ, lời nói đều chẳng viên mãn, văn tự chẳng viên mãn.

Chúng ta lại dùng vàng và đồ vật để tỷ dụ thì vàng là Viên, vàng tượng trưng cho Lý, đồ vật là thiên lệch, chẳng viên mãn. Quý vị hãy thấu hiểu đạo lý này. Tánh là viên mãn, Tướng chẳng viên mãn. Viên là chân thật, vĩnh viễn bất biến, còn Tướng thì sao? Sanh diệt trong từng sát-na, chẳng viên mãn!

***(Diễn) Lý tánh viên dung, bất khả phân tích, như nhất đa giao triệt, đại tiểu hồ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị đẳng.***

**(演) 理性圓融，不可分析，如一多交徹、大小互融、真妄交參、染淨不二等。**

***(Diễn: Lý tánh viên dung, chẳng thể chia chẻ, như một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau, chân và vọng xen lẫn vào nhau, nhiễm và tịnh chẳng hai v.v...)***

Vừa mở đầu đã nói rất hay. Lý là nói về Tánh, viên dung. “*Bất khả phân tích, như nhất đa giao triệt, đại tiểu hồ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị*” (Chẳng thể chia chẻ, như một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau, chân và vọng xen lẫn vào nhau, nhiễm và tịnh chẳng hai) hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Chẳng đạt đến cảnh giới này sẽ không được. Khi nào đạt đến cảnh giới này? Trong pháp hội Di Đà, Lý nhất tâm bất loạn chính là cảnh giới này. Cảnh giới ấy tốt đẹp như thế nào? Trong cảnh giới ấy không có Kiến Tư phiền não, cũng chẳng có Trần Sa phiền não, cũng phá được mấy phần Vô Minh phiền não, vì sao? Vị ấy đã thấy tánh! Kiến tánh là thấy được lý “pháp nào cũng viên dung”, đây là kiến tánh.

Do vậy, được gọi là Lý nhất tâm. Lý nhất tâm chính là “*Lý tánh viên dung, chẳng thể chia chẻ*”. Không chỉ chẳng có chấp trước Nhân Ngã (ta - người), mà còn như kinh Kim Cang đã nói: Tứ Tướng và Tứ Kiên



đều không có, Pháp Chấp cũng không có. Nếu có Pháp Chấp, làm sao có thể “*một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau*”? Bốn câu ấy (tức “*nhất đa giao triệt, đại tiểu hõ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị*”) đều bị biến thành chương ngại, Pháp Chấp cũng không có. Lý nhất tâm bất loạn là như vậy đó. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không một pháp nào chẳng viên dung. Viên dung là Pháp Thân, không pháp nào chẳng tự tại. Tự tại là Giải Thoát, không pháp nào chẳng thấu triệt; hiểu rõ triệt để chính là Bát Nhã. Do vậy, Lý nhất tâm là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát đều hiện tiền, đều chứng đắc.

Trong mỗi một pháp thấy Pháp Thân, trong mỗi một pháp hiển lộ Bát Nhã, trong mỗi một pháp đắc tự tại (Giải Thoát). Đây gọi là Sự Sự vô ngại. Qua kinh luận, chúng ta nhìn thấy một chút tin tức như vậy, Lý là Lý nơi Sự, Tánh là Tánh của Tướng, quý vị bèn hiểu: Sự chẳng lìa Lý, Lý chẳng tách rời Sự, Lý và Sự là một, Tánh và Tướng chẳng hai, phải lãnh hội, phải lãnh ngộ điều này.

**(Diễn) “Ngôn thiên” giả, như ngôn nhất tắc di đa, ngôn đại tắc thất tiểu, đàm chân tắc vi tục, thuyết nhiễm tắc vi tịnh đẳng.**

**(演)言偏者，如言一則遺多，言大則失小，談真則違俗，說染則違淨等。**

**(Diễn): “Ngôn ngữ lệch lạc” là nếu nói một sẽ sót nhiều, nói lớn sẽ mất nhỏ, nói chân sẽ trái với tục, nói nhiễm sẽ trái nghịch tịnh v.v...)**

“Ngôn nhất tắc di đa” (nói một sẽ sót nhiều): Chẳng thể nói tới hai việc cùng một lúc được, nói một chuyện này sẽ thiếu sót chuyện kia, nói chuyện kia sẽ bỏ sót chuyện này, đó là chẳng viên. “Ngôn đại tắc thất tiểu, đàm chân tắc vi tục, thuyết nhiễm tắc vi tịnh” (Nói lớn sẽ mất nhỏ, nói chân sẽ trái với tục, nói nhiễm sẽ trái nghịch tịnh): Những điều này dễ hiểu. Do vậy, công năng của ngôn thuyết hết sức hữu hạn.

**(Diễn) Sở vị: “Khai khẩu thành song quyết, dương mi lạc nhị tam” dã. Thị ngôn chi hữu quá dã.**

**(演)所謂開口成雙橛，揚眉落二三也。是言之有過也。**

**(Diễn): Đó gọi là “mở miệng thành hai mảnh, nhướng mày rớt hai, ba” đó là nói ngôn thuyết có khuyết điểm vậy).**

Câu này có nghĩa là quý vị vừa mở miệng nhất định sẽ rớt vào hai bên, hai bên ấy chính là tương đối. Phật pháp nói pháp môn Bất Nhị, quý vị vừa mở miệng nhất định sẽ rớt vào hai môn. Pháp là pháp môn Bất Nhị, nếu “hai” thì làm sao có thể tiến nhập Pháp? “*Dương mi*” (nhường mảy) nhằm biểu lộ ý nghĩ, chẳng những không nói được mà biểu lộ cũng chẳng được. Nếu có thể biểu lộ, thì sẽ có thể dùng một cách [nào đó] để biểu thị pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm đã dùng bao nhiêu phương pháp nhằm biểu thị pháp, nhưng có thể biểu thị trọn hết hay không? Biểu thị chẳng trọn hết. Ngôn thuyết và biểu thị pháp là công cụ dạy học chẳng thể thiếu trong Phật pháp. Dùng thuật ngữ Phật học để nói thì đây là “*phương tiện thiện xảo chẳng thể thiếu*”, nhưng chỉ là phương tiện thiện xảo mà thôi! Quý vị phải từ những phương tiện thiện xảo ấy mà ngộ nhập chân thật.

Do vậy, Phật, Bồ Tát, thiện tri thức chỉ có thể giúp đỡ chúng ta tới đây mà thôi, làm Tăng Thượng Duyên mà thôi. Chính quý vị có thể ngộ nhập hay không phải cậy vào chính mình, Phật, Bồ Tát cũng không thể làm gì được! Như vậy, khai ngộ là ai khai ngộ? Chính quý vị tự khai ngộ, chứ không phải là thầy có năng lực giúp quý vị khai ngộ. Nếu thầy có năng lực giúp người khác khai ngộ, bất cứ ai thân cận vị thầy ấy sẽ đều khai ngộ mới đúng! Chúng tôi đã giảng Đàn Kinh rất nhiều lần; thuở ấy, những người thân cận Lục Tổ đại sư là bao nhiêu người? Tối thiểu cũng có mấy chục vạn người. Bao nhiêu người khai ngộ? Bốn mươi ba người, tỷ lệ chẳng cân xứng! Những người có thể khai ngộ dưới tòa của Lục Tổ đại sư chỉ là một phần vạn. Ai giúp họ khai ngộ? Chính mình khai ngộ! Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng: “*Tự ngộ, tự tu, tự chứng*”. Tổ sư thuyết pháp, đồ chúng học trò đều nghe, vì sao người này khai ngộ, kẻ khác nghe xong chẳng khai ngộ? Phương tiện thiện xảo giống hệt, nhưng có thể ngộ nhập hay không là do mỗi người. Thầy có bao giờ chẳng mong mọi người đều khai ngộ, nhưng chẳng có cách nào, đó là chuyện chẳng thể làm được! Đây là nói “*ngôn thuyết có khuyết điểm*” vậy!

**(Diễn)** *Ngôn bất năng tận, thị ngôn chi vô công dã.*

**(演)** 言不能盡，是言之無功也。

**(Diễn:** “Nói chẳng thể trọn hết” là dấu nói chẳng có ích gì).

“*Ngôn bất năng tận*”, không có cách nào trọn hết thầy Lý, tức là không có cách nào trọn hết Lý viên mãn, không có cách nào trọn hết thầy Sự viên mãn. Lý và Sự đều viên dung, Lý và Sự đều vô ngại. “*Biểu thị*” chẳng phải là viên dung, mà là có chướng ngại. “*Ngôn thuyết*” cũng chẳng

phải là viên dung, cũng có chướng ngại. Đức Phật dùng phương pháp này, dùng cách có chướng ngại để dạy quý vị hãy từ hữu ngại mà ngộ nhập vô ngại, dạy quý vị hãy từ hữu tận mà ngộ nhập vô tận, nhất định phải lìa ngôn thuyết, lìa danh tự, lìa tâm duyên. Lìa ngôn thuyết, lìa danh tự chính là “*bất khả nghị*” (chẳng thể bàn luận). Trong kinh Hoa Nghiêm nói tới Nhất Chân pháp giới, trong Tịnh Độ gọi pháp giới ấy là Thật Báo Trang Nghiêm độ, đã chứng được Lý nhất tâm.

Vấn đề là sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài có viên dung vô ngại hay không? Nếu quý vị tiếp xúc những cảnh giới ấy mà thật sự là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại thì quý vị đã tự đắc Lý nhất tâm. Đắc Lý nhất tâm thì còn có danh tự Lý nhất tâm hay không? Không có! Nếu vẫn còn có danh tự Lý nhất tâm, quý vị vẫn còn chấp vào tướng danh tự, đây là chướng ngại. Quý vị còn chấp vào tướng ngôn thuyết, còn có tướng tâm duyên. Quý vị không đoạn được ba điều này thì quý vị thuộc tiêu chuẩn phạm phu, chẳng phải là thánh nhân. Chỗ này thật là vi tế, đúng là “*sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm*”.

**(Diễn)** *Khẩu dục đàm nhi từ táng giả, khai khẩu dục đàm, ngôn vị tiên táng, dĩ chí lý tuyệt ngôn, vô dung thổ khẩu cố.*

**(Đ)** 口欲談而詞喪者，開口欲談，言謂先喪，以至理絕言，無容措口故。

**(Diễn):** “Miệng muốn nói mà từ ngữ đã chôn vùi” là mở miệng toan nói, lời lẽ đã mất trước, bởi lẽ, lý tột cùng dứt bất ngôn từ, chẳng thể mở miệng).

Pháp chân thật chẳng thể nói được, không có cách nào nói. Do vậy, mới nói “*phạm hữu ngôn thuyết, giai thành hý luận*” (Hễ có nói năng, đều trở thành hý luận), đạo lý là như vậy đó. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới cương lĩnh quan trọng nhất trong pháp chân thật: Đọc kinh phải lìa tướng văn tự, lìa tướng tâm duyên thì ngay trong khi ấy mới có thể thành tựu Tam Học và Tam Huệ. Nghe kinh cũng phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, ngay khi ấy sẽ là nhất tâm bất loạn, Tam Huệ và Tam Học đồng thời đầy đủ. Đọc hay nghe chẳng phải là công phu thì cái gì sẽ là công phu? Đọc và nghe chẳng phải là tu hành thì cái gì mới gọi là tu hành? Nếu quý vị không hiểu, ấy chính là “*kể chuyện ăn, đếm của báu*”. Nếu quý vị hiểu, sẽ là công phu thật sự, là tu hành thật sự! Trong đây, thế nào là Tam Huệ, thế nào là Tam Học, mỗi một điều đều hiểu rõ ràng, rành mạch, phân minh, quả thật đầy đủ.

**(Diễn)** “*Như Thiện thiên nữ*” giả. Hoa Nghiêm vân: “*Tự Tại thiên vương hữu thiên thể nữ<sup>1</sup> danh viết Thiện Khẩu, ư kỳ khẩu trung xuất nhất âm thanh, tắc dữ bách thiên chủng nhạc nhi cộng tương ứng đẳng*”.

(演)如善天女者。華嚴云：自在天王有天采女名曰善口，於其口中出一音聲，則與百千種樂而共相應等。

**(Diễn:** “*Như Thiện thiên nữ*” là như kinh Hoa Nghiêm chép: “*Vua cõi trời Tự Tại có một thị nữ cõi trời, tên là Thiện Khẩu. Trong miệng cô ta thốt ra một âm thanh thì âm thanh ấy giống như trăm ngàn thứ nhạc cùng hòa tiếng vậy*”).

Đây là câu trích từ kinh Hoa Nghiêm: “*Nhất nhất thân cụ vô lượng khẩu, nhất nhất khẩu xuất vô lượng âm*” (Mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng phát ra vô lượng âm), cũng không có cách nào [diễn tả trọn hết Chân Như bốn tánh]. Loại năng lực này người tầm thường chẳng thể làm được. Người miệng lưỡi nhanh nhạy trong thế gian có thể sánh bằng Thiện thiên nữ hay không? Thiện thiên nữ (Śrī-mahā-devī)<sup>2</sup> mà còn không có cách gì để nói được thì ai có năng lực để nói đây? Chẳng trách gì chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị thiện tri

---

<sup>1</sup> Chữ 采 đúng ra phải đọc là Thái (hay Thái). “*Thái nữ*” là một danh xưng để gọi một trong sáu chức nữ quan hầu hạ trong cung dưới thời Hán. Do những người này tuyển mộ từ dân gian nên gọi là “*thái nữ*” (thái có nghĩa gốc là chọn lựa, hái, ngắt), về sau, chuyên dùng để gọi cung nữ. Đôi khi cũng viết là Thái Nữ (綵女), do các cung nữ thường mặc áo lụa màu sắc rực rỡ. Theo Hậu Hán Thư, Thái Nữ là chức quan thấp hơn hai bậc Mỹ Nhân và Cung Nhân. Do người Việt quen đọc Thái Nữ là “*thể nữ*” nên chúng tôi cũng tuân theo cách đọc này.

<sup>2</sup> Thiện thiên nữ (Śrī-mahā-devī), gọi đủ là Đại Cát Tường Thiện Thiên Nữ, còn gọi là Ma Ha Thất Lợi, Thất Lợi Thiên Nữ, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên. Thiên nữ này là vợ của Na La Diên Thiên, mẹ của thần Ái Dục (Kama), là em gái của Tỳ Sa Môn Thiên. Trong Mật Tạng, bà còn được gọi bằng nhiều danh xưng khác. Số danh xưng lên đến 108 danh hiệu khác nhau, ngoài danh xưng phổ biến nhất là Đại Cát Tường ra, bà còn được biết dưới các tên gọi phổ biến khác như Laksmi, Jaladhija v.v... Bà thường được tạc tượng mang hình dáng thiên nữ xinh đẹp, trẻ trung, tay trái cầm châu Như Ý, tay phải kết ấn Thí Vô Úy, đôi khi có đến bốn tay hoặc tám tay. Thiện thiên nữ được coi là vị phước thần có công năng ban phước, diệt tai họa. Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, bà có một người em gái tên Hắc Ám Thiên Nữ, thường gieo tai họa, nhưng hai chị em luôn đi chung với nhau.

thức, vị nào cũng đều nói lời thành thật: “Chẳng có cách nào biết được trí huệ, công đức của chư Phật, Bồ Tát!” mà cũng không có cách nào nói ra được. Lời ấy là thật. Trong đoạn này dẫn dụng kinh văn của kinh Hoa Nghiêm để giảng rõ ý “ngôn dục đàm nhi từ táng” (miệng muốn nói mà lời bị chôn vùi).

**(Sớ) *Hựu thử kinh nguyên danh Bất Khả Tư Nghị, cố dụng thử tứ tự tổng tán tiền văn, cái thị chí lý chi cực danh dã.***

**(疏) 又此經原名不可思議，故用此四字總讚前文，蓋是至理之極名也。**

*(Sớ: Hơn nữa, kinh này vốn có tên là Bất Khả Tư Nghị, nên dùng bốn chữ này để làm lời ca ngợi chung cho đoạn văn đã được nói trong phần trên, đây chính là tên gọi tột bậc của lý tột bậc vậy).*

Bốn chữ Bất Khả Tư Nghị chẳng phải là không có lai lịch, tùy tiện nói ra. Kinh Hoa Nghiêm được gọi là Đại Bất Tư Nghị Kinh, kinh Duy Ma được gọi là Tiểu Bất Tư Nghị Kinh, kinh này cũng gọi là Bất Tư Nghị Kinh. Chúng ta hiểu những kinh này vốn thuộc cùng một loại. Do vậy, kinh này là chỗ tổng quy kết của kinh Hoa Nghiêm. Quý vị thấy trong quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử là một vị tu hành chân chánh, như chúng tôi vừa mới nói đó, Ngài hiểu lý luận, hiểu phương pháp, lục căn tiếp xúc lục trần, đi, đứng, nằm, ngồi đều là tu hành, toàn là công phu. Mỗi lần Ngài tham phòng một vị thiện tri thức, cảnh giới của Ngài lại được nâng cao hơn một tầng. Ngài đến tham phòng Sơ Trụ Bồ Tát, bản thân Ngài liền đạt đến Sơ Trụ. Ngài tham phòng Sơ Địa Bồ Tát, bản thân Ngài liền đạt đến Sơ Địa Bồ Tát. Ngài đến tham phòng các vị Văn Thù, Phổ Hiền, bản thân Ngài liền đạt đến địa vị Đẳng Giác. Từ Đẳng Giác lại tiến hơn nữa, đều về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Mỗi lần Thiện Tài đồng tử tham phòng thiện tri thức, Ngài có ba câu nói hết sức quan trọng. Câu thứ nhất thưa rõ Ngài đã phát đại tâm, đại nguyện, nhất định muốn thỏa đại nguyện của Ngài, đại nguyện gì vậy? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “Tôi đã phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm (tức Bồ Đề tâm)”, muốn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỉ có Phật trong Viên Giáo mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn Phật trong Tạng Giáo, Phật trong Thông Giáo, Phật trong Biệt Giáo đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thể gọi là Vô Thượng.

Văn Thù, Phổ Hiền đều là Chánh Đẳng Chánh Giác, là Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát muốn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ắt phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do vậy, chúng ta đọc kinh này phải giác ngộ: Nếu muốn thành tựu trí huệ viên mãn rốt ráo thì phải ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, ở bất cứ nơi nào cũng đều chẳng thể viên mãn. Nếu chẳng phát tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể gọi là kẻ ngu si, là kẻ thiếu phước báo. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng có phần nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chúng ta cần phải giác ngộ điều này! Đọc kinh Hoa Nghiêm, nếu chẳng thấy được ý nghĩa rành rành này thì đã uổng công đọc rồi. Có thể thấy được ý nghĩa này rõ ràng thì đọc kinh Hoa Nghiêm chẳng có ai không chêt sạch mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm A Di Đà Phật. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”* (Chẳng nhờ đến phương tiện mà tâm tự được mở mang), Phật chẳng dối gạt chúng ta. Chẳng nhờ đến phương tiện, chẳng cần nhờ bất cứ một pháp nào khác để giúp đỡ, một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, từ Sơ Phát Tâm niệm đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng cần phải nhờ đến Thiên hay Mật để giúp đỡ. Không dùng đến! Bất cứ pháp nào cũng chẳng dùng đến.

Nếu quý vị tu các pháp môn khác, đúng là phải dùng pháp môn Niệm Phật để phụ trợ thì quý vị mới có thể thành tựu. Pháp môn Niệm Phật chẳng cần bất cứ pháp môn nào khác để phụ trợ. Tuy nói là Chánh Trợ Song Tu, Chánh là niệm Phật, nhưng Trợ vẫn là niệm Phật. Quý vị đọc lời Ngẫu Ích đại sư khai thị về pháp môn Niệm Phật sẽ hiểu rõ ngay. *“Cho nên dùng bốn chữ này để ca ngợi chung đoạn văn đã được nói trong phần trên”*: Đoạn văn này chính là đại sư dùng *“bất khả tư nghị”* để khen ngợi những điều đã được nói trong lời Tựa trên đây.

Bất Khả Tư Nghị là *“chí lý cực danh”* (tên gọi tột bậc của lý tột cùng). *“Chí lý cực danh”* là gì? Sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

**(Diễn) Chí lý cực danh giả...**

**(演) 至理極名者。**

**(Diễn: Tên gọi tột bậc của lý tột cùng là...)**

Lý đạt đến cùng cực, tên gọi cũng đạt đến chỗ cùng cực.

**(Diễn) Như danh Chân Như, tắc khả dĩ bất vọng bất biến tư nghị.**

**(演) 如名真如，則可以不妄不變思議。**

*(Diễn: Nếu gọi Như là Chân Như thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là chẳng hư dối, chẳng biến đổi).*

“*Như*” trong phần trước là Giả Như. Chúng ta gọi Giả Như bằng cái tên Chân Như thì có thể suy nghĩ, bàn định về sự chẳng vọng, chẳng biến đổi của nó.

Chân là chẳng vọng. Như là bất biến, vĩnh viễn giống như vậy. Chân và Như như vậy thì có thể nghĩ, có thể bàn được.

**(Diễn) Hoặc danh Viên Giác, tắc khả dĩ mãn túc hư linh tư nghị.**

**(演) 或名圓覺，則可以滿足虛靈思議。**

*(Diễn: Nếu gọi là Viên Giác thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là trọn đủ, hư linh).*

“*Viên*” là viên mãn, chẳng thiếu khuyết chút nào, “*Giác*” là giác ngộ, chẳng mê hoặc. “*Thì có thể suy nghĩ bàn định lý tốt cùng ấy là trọn đủ, hư linh*”: “*Giác*” có nghĩa là hư linh<sup>3</sup>, “*viên*” có nghĩa là trọn đủ. Những điều này cũng có thể suy nghĩ, bàn định.

**(Diễn) Hoặc danh Phật Tánh, tắc khả dĩ ly quá tuyệt phi tư nghị, giai phi chí lý cực danh.**

**(演) 或名佛性，則可以離過絕非思議。皆非至理極名。**

*(Diễn: Nếu gọi là Phật Tánh thì có thể suy nghĩ, bàn định [lý tốt cùng ấy] là lìa lỗi, dứt bất mọi phủ định. Những tên gọi như vậy đều chẳng phải là tên gọi tốt bậc của lý tốt cùng).*

Rất nhiều danh hiệu, nhưng những danh hiệu ấy đều có thể nghĩ, có thể bàn, như vậy thì chúng chẳng phải là danh xưng tốt bậc của lý tốt cùng. Đặt tên chẳng cao minh, chưa đạt đến chỗ cùng tốt.

**(Diễn) Kim danh bất khả tư nghị, tắc chí lý chi cực danh vô dĩ gia dã.**

---

<sup>3</sup> Hư linh: Chỉ là cách diễn tả khác của ý niệm Tịch và Chiếu. Có công năng nhận biết vạn pháp không gì chẳng thấu triệt là Linh (tức Chiếu), tuy nhận biết vạn pháp, nhưng không vướng mắc, không chấp trước, không in giữ bóng dáng, ấn tượng của sáu trần nên gọi là Hư (rỗng rang). Đó chính là cách diễn tả khác của khái niệm Tịch.

(演) 今名不可思議，則至理之極名無以加也。

(Diễn: Nay đặt tên là Bất Khả Tư Nghị thì sẽ là tên gọi tốt bậc của lý tốt cùng, không còn thêm gì vào được nữa!)

Bất Khả Tư Nghị, không có cách nào nữa! Đây quả thật là chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng thể nghĩ ngợi, chẳng thể bàn định, chẳng giống như các danh tướng khác đều có thể nghĩ, đều có thể bàn. Danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, quý vị phải hiểu được ý nghĩa này. Nếu quý vị hiểu [danh hiệu Bất Khả Tư Nghị chỉ đơn giản] có nghĩa là “chẳng thể nghĩ, mà cũng chẳng thể bàn” thì quý vị đã rớt vào trong ý nghĩa “có thể nghĩ, có thể bàn”, hiểu lầm danh từ này. Quý vị thấy danh từ này mà dứt bật suy nghĩ, nói năng thì danh tướng ấy sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy chính là Quán Chiếu, nhằm dạy quý vị vừa trông thấy danh tướng này liền lập tức dứt bật ngôn ngữ, suy tưởng, nhất tâm hiện tiền, lại còn là Lý nhất tâm bất loạn hiện tiền, mẫu nhiệm tuyệt vời! Do vậy, tên gọi này quả thật là đã đạt đến tốt cùng, không còn thêm gì vào được nữa!

(Sớ) *Mạt cú kết quy, ngôn như thị bất khả tư nghị giả, đương thị hà vật, duy tự tánh nãi nhĩ.*

(疏) 末句結歸，言如是不可思議者，當是何物，惟自性乃爾。

(Sớ: Câu cuối cùng là quy kết, nói “chẳng thể nghĩ bàn như thế” chính là vật gì vậy? Chỉ có tự tánh là như vậy mà thôi!)

Bất Khả Tư Nghị là nói về tự tánh.

(Sớ) *Ngôn Tánh hữu nhị, kiêm vô tình phận trung, vị chi Pháp Tánh. Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật Tánh. Kim vân tự tánh, thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn dã. Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố, thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha cố. Thử chi tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bản Tâm, diệc danh Bản Giác, diệc danh Chân Tri, diệc danh Chân Thức, diệc danh Chân Như, chủng chủng vô tận. Tổng nhi ngôn chi, tức đương nhân linh tri linh giác bốn cụ chi nhất tâm dã.*

(疏) 言性有二，兼無情分中，謂之法性。獨有情分中，謂之佛性。今云自性，且指佛性而言也。性而曰自，法爾如然，非作得故。是我自己，非屬他故。此之自性，



蓋有多名，亦名本心，亦名本覺，亦名真知，亦名真識，亦名真如，種種無盡。統而言之，即當人靈知靈覺本具之一心也。

*(Sớ: Nói đến Tánh thì có hai thứ. Nếu gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh, chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật Tánh. Nay nói “tự tánh” thì chỉ là nói về Phật Tánh. Tánh gọi là Tự vì pháp vốn sẵn như vậy, chẳng phải do tạo tác mà có. Nó là chính ta, chẳng thuộc vào cái gì khác. Do vậy, Tự tánh ấy có nhiều tên, còn gọi là Bốn Tâm, còn gọi là Bốn Giác, còn gọi là Chân Tri, còn gọi là Chân Thức, còn gọi là Chân Như. Nói tóm lại, đây chính là nhất tâm vốn sẵn đủ linh tri linh giác của con người vậy).*

Tự Tánh, ở đây riêng chú trọng Phật Tánh của loài hữu tình chúng ta, nhưng nhất định phải biết: Nó bao gồm cả Pháp Tánh.

***(Diễn) Pháp Tánh, Phật Tánh giả...***

**(演) 法性佛性者。**

***(Diễn: Pháp Tánh và Phật Tánh là...)***

Giải thích hai danh từ này.

***(Diễn) Trí Độ Luận vân.***

**(演) 智度論云。**

***(Diễn: Trí Độ Luận nói).***

Dẫn Đại Trí Độ Luận để nói. Đại Trí Độ Luận là sách chú giải kinh Ma Ha Bát Nhã.

***(Diễn) Phật danh viết Giác, pháp danh bất giác.***

**(演) 佛名曰覺，法名不覺。**

***(Diễn: Phật gọi là Giác, pháp gọi là bất giác).***

Hai ý nghĩa này khác biệt rất rõ ràng.

***(Diễn) Thị nãi dĩ Trí vi Phật, dĩ Lý vi pháp. Hiền Thủ cứ thử, cố vân: “Vô tình, vô tri giác” chỉ kỳ tánh vi Pháp Tánh, “hữu tình, hữu tri giác” chỉ kỳ tánh vi Phật Tánh. Nhiên nhị tánh tuy phân thuộc tình dữ***

***vô tình, Pháp Tánh diệt khả thông hữu tình, dĩ chúng sanh nãi chư pháp trung chi nhất pháp cố.***

(演)是乃以智為佛，以理為法。賢首據此，故云：無情無知覺，指其性為法性；有情有知覺，指其性為佛性。然二性雖分屬情與無情，法性亦可通有情，以眾生乃諸法中之一法故。

(Diễn: Ấy là vì coi Trí là Phật, coi Lý là Pháp. Ngài Hiền Thủ dựa vào đây, nên nói: “Vô tình, không tri giác” nhằm chỉ tánh ấy là Pháp Tánh, “hữu tình, có tri giác” nhằm chỉ tánh ấy là Phật Tánh; nhưng hai tánh (Phật Tánh và Pháp Tánh) tuy chia thành hữu tình và vô tình, Pháp Tánh cũng có thể thông với hữu tình, do chúng sanh chính là một pháp trong các pháp).

Giữa Phật Tánh và Pháp Tánh, phải hiểu Pháp Tánh có phạm vi to lớn, bao gồm giác tánh, bởi giác tánh cũng là một pháp, hữu tình cũng là một pháp. Nhìn từ hai phương diện Thể và Dụng, Pháp Tánh là Thể, bản thể, lý thể, Phật Tánh là tác dụng. Pháp Tánh khởi tác dụng là Giác, Lý khởi tác dụng là Giác. Do vậy, thể nào là thành Phật? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Trí, là Vô Thượng Bồ Đề, là Vô Thượng Trí Huệ, là Năng Chứng (chủ thể có thể chứng). Có thể chứng điều gì? Có thể chứng được Lý, Lý là Pháp Tánh. Pháp Tánh là bản thể, là Pháp Thân. Trí huệ là Bát Nhã, Bát Nhã là năng chứng, Pháp Thân là cái được chứng (sở chứng). Năng và Sở chẳng hai, Lý và Trí hệt như một, chúng là một, chẳng phải hai.

Do vậy, đại kinh mới nói: “*Tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí*”.

(Diễn) ***Cổ viết: Kiêm vô tình phận trung vị chi Pháp Tánh.***

(演) 故曰：兼無情分中謂之法性。

(Diễn: Cho nên nói: Nếu gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh).

[Nếu nói đến Tánh mà] bao gồm cả hữu tình và vô tình thì gọi là Pháp Tánh, chẳng bao gồm vô tình thì gọi là Phật Tánh.

(Diễn) ***Phật Tánh duy cục hữu tình, bất thông vô tình, dĩ một thạch đẳng vô tri giác cố. Cổ viết: “Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật tánh”.***

(演)佛性唯局有情，不通無情，以木石等無知覺故。  
故曰：獨有情分中謂之佛性。

(Diễn: Phật tánh chỉ hạn cuộc trong loài hữu tình, chẳng thông với vô tình, bởi lẽ, gỗ, đá v.v... chẳng có tri giác. Vì thế, nói: “Chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật tánh”).

Chúng ta phân biệt giữa Phật Tánh và Pháp Tánh, có thể dùng đoạn này trong Đại Trí Độ Luận để nói rõ.

(Diễn) *Thả chỉ Phật tánh nhi ngôn giả.*

(演) 且指佛性而言者。

(Diễn: “Chỉ nói đến Phật tánh” là...)

Tự tánh vốn bao gồm Phật Tánh lẫn Pháp Tánh, ở đây đại sư chỉ nói riêng về Phật Tánh. “*Thả chỉ Phật tánh nhi ngôn*”: Tạm thời chẳng bàn đến Pháp Tánh, chỉ nói tới Phật Tánh.

(Diễn) *Tự tánh thật thông nhị chủng.*

(演) 自性實通二種。

(Diễn: Tự Tánh thật sự bao gồm cả hai thứ).

“*Nhị chủng*” là Phật Tánh và Pháp Tánh.

(Diễn) *Như Hoa Nghiêm vân: “Nhược nhân dục thức Chân Không lý, tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại, tình dữ vô tình đồng nhất thể, xứ xứ giai đồng chân pháp giới”.*

(演)如華嚴云：若人欲識真空理，心內真如還遍外，情與無情同一體，處處皆同真法界。

(Diễn: Như kinh Hoa Nghiêm dạy: “Nếu ai muốn biết lý Chân Không, thì Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài, tình và vô tình có cùng một thể, chỗ nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới”).

Đây là một bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm. Ý nghĩa của bài kệ này hết sức hay. Nếu chúng ta thường đọc tụng, thường cảnh tỉnh chính mình, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, trong mỗi niệm đều quán như thế thì công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Mở rộng tâm lượng, hóa giải phân biệt và chấp trước của quý vị, tự nhiên không còn [phân biệt, chấp trước]

nữa! Nói cách khác, quý vị nhập Nhất Chân pháp giới mà chẳng hay, chẳng biết. “*Chân pháp giới*” chính là Nhất Chân Pháp Giới. “*Nhược nhân*” (nếu ai), người nào vậy? Bồ Tát, chẳng phải kẻ tầm thường! Người tầm thường chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát mới có ý niệm ấy! Quý vị đến giảng đường, hoặc đến tự viện, có phải là cầu Vô Thượng Bồ Đề hay chẳng? Không có ý niệm ấy! Đến nơi đó để đỡ buồn, hoặc vì có nghỉ hoặc, đến nơi ấy với hy vọng giải trừ nghi hoặc, cầu những thứ đó, chẳng phải vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà đến! Do vậy, quý vị chẳng thể đạt được!

Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh, chẳng thể không bội phục Lục Tổ, vì sao? Ngài vừa gặp Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Người đến để làm gì?” “Con đến cầu làm Phật”. Chẳng cầu gì khác! Tuyệt vời! Do vậy, đọc kinh Hoa Nghiêm, bội phục Thiện Tài đồng tử năm vóc sát đất. Thiện Tài đi tham học nhằm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn cao minh hơn Lục Tổ! Lục Tổ nói “con đến để làm Phật”, ý nghĩa “làm Phật” rất mơ hồ, vì bốn giáo tức Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo đều có Phật, anh muốn làm vị Phật nào? Không nói rõ ràng! Thiện Tài nói: “*Con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, nói rất rõ ràng, rành mạch, phân minh, cầu Viên Giáo Phật! Người ta vì điều này mà đến, chúng ta vì cái gì mà đến? Quý vị đến để nghe kinh, làm rồi!

Nếu quý vị vì làm Phật mà đến thì mới là đúng, [làm Phật] có ý nghĩa khác với nghe kinh mà cái quý vị sẽ đạt được cũng khác! Quý vị nghe kinh, kinh gì vậy? Nói lung tung xèng, bịa đặt, đồn thổi! Phàm tất cả ngôn thuyết đều là hý luận, những kinh điển của Phật chẳng phải là hý luận ư? Đương nhiên là hý luận! Vì sao là hý luận? Vì quý vị chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Quý vị đến nơi đây, chuyên môn chấp vào tướng, làm sao có thành tựu cho được? Làm sao có thể đoạn phiền não?

“*Nhược nhân dục thức Chân Không lý*”: “*Dục*” là một lòng một dạ, “*thức*” là hiểu rõ. Bồ Tát một lòng một dạ muốn ngộ lý Chân Không. Lý Chân Không chính là Lý nhất tâm bất loạn, là Nhất Chân pháp giới, là Chân Như bản tánh. Người ấy muốn ngộ nhập! Tiếp theo đó là miêu tả ý nghĩa và cảnh giới ấy đôi chút. “*Tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại*” (Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài): Trong và ngoài là một, chẳng hai. Tận hư không, trọn pháp giới là một Chân Như, chẳng có hai cái Chân Như. Nhất Chân không có Nhị Chân, Nhất Như không có Nhị Như. “*Tình dữ vô tình đồng nhất thể, xír xír giai đồng Chân pháp giới*” (Tình và vô tình cùng một thể, nơi nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới): Chúng Lý

nhất tâm bất loạn từ nơi đâu? Trong hết thấy pháp, hết thấy cảnh duyên không đâu chẳng là nó. “Cảnh” là hoàn cảnh vật chất, “duyên” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Trong hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự, không gì chẳng phải là chính mình, có cùng một Thể!

Tôi thường dùng cảnh trong mộng làm tỷ dụ: Chúng ta nằm mộng, trong mộng có ta, mà cũng có người, có sơn hà đại địa, cũng có cây cối, hoa cỏ, từ do đâu mà có? Đều là những vật được biến hiện trong tâm của chính mình, há có phải như kinh đã nói “*ngoài tâm không có mộng*” đó sao? Ngoài tâm không có pháp, pháp là mộng. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm; khi nằm mộng, toàn bộ cái tâm biến thành mộng. Mộng là tâm, ngoài tâm không có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm. Trong toàn bộ mộng cảnh, tình và vô tình có cùng là một Thể hay chăng? Nhưng chúng ta ngày nay, toàn bộ vũ trụ, nhân sinh, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là Chân Như bốn tánh của chúng ta là huyền tướng của chân tâm, giống như chân tâm đang nằm mộng, chẳng khác gì! Chúng ta đêm ngủ nằm mộng, đây là mộng trong mộng, phải giác ngộ!

Do vậy, hết thấy vạn pháp là cùng một Thể. Khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, thánh nhân Trung Quốc cũng siêu phàm lắm, cũng có sự giác ngộ này, họ nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn pháp dữ ngã nhất thể*” (Trời đất và ta cùng một gốc, muôn pháp và ta cùng một Thể), cũng nói như vậy đó, chẳng khác gì cảnh giới Hoa Nghiêm, họ cũng đạt đến cảnh giới ấy. “*Xứ xứ giai đồng Chân pháp giới*” (Chỗ nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới): Lý nhất tâm bất loạn hiện tiền. Trong Hoa Nghiêm Viên Giáo, cảnh giới ấy là cảnh giới của bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên.

**(Diễn) Kim vân nhĩ giả, dẫn dĩ thử kinh trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, nãi tá bĩ Phật cảnh hiển ngã tự tâm cố. Thả chỉ hữu tình Phật tánh dã.**

**(演)今云爾者，但以此經重一心念佛求願往生，乃借彼佛境顯我自心故。且指有情佛性也。**

**(Diễn: Nay nói như vậy, chỉ vì kinh này chú trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, bèn mượn cảnh Phật ấy để hiển lộ tự tâm của ta, cho nên nói về Phật Tánh của loài hữu tình vậy).**

Đoạn này nói rõ: Vì sao ở đây Liên Trì đại sư lại thiên trọng Phật Tánh khi giảng về Tự Tánh, đạo lý là ở chỗ này. Do cương lĩnh tu hành của bộ kinh này là “trì danh niệm Phật”, hy vọng công phu đạt đến nhất tâm bất loạn, vắng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy, mới chú trọng nói riêng một phương diện của tự tánh. Thật ra, tự tánh bao gồm cả hữu tình và vô tình. Hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.